

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/DS-ST

Ngày 17-7-2018

V/v xác định di sản thừa kế;  
chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Lê Biên

Ông Nguyễn Văn Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:**

Bà Trần Thị Thúy Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 12/2017/TLST-DS ngày 01-11-2017 về việc xác định di sản thừa kế; chia di sản thừa kế và đòi lại tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị T; Đăng ký hộ khẩu: Số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số nhà 15 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Cụ Nguyễn Thị V; cư trú tại: Số nhà 15 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Lê Thị T1; hiện đang cư trú tại Cộng hòa Séc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T1:* Bà Lê Thị T; Đăng ký hộ khẩu: Số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; chỗ ở: Số nhà 15 T, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

2. Ông Lê Thanh T2; cư trú tại: Khóm 6, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Lê Thị B; cư trú tại: Số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định.

4. Anh Mai Trường G; cư trú tại: Số 2A Khu tập thể Đ, phường L, thành phố N.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bà T có mặt. Vắng mặt cụ V, bà T1, ông T2, bà B, ông G.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày:

Bố bà là cụ Lê Văn L và mẹ là cụ Nguyễn Thị V, các cụ sinh được 4 người con gồm ông Lê Xuân T là liệt sỹ không có vợ con, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị T1 và bà. Cụ L chết ngày 11-11-2014 không để lại di chúc. Tài sản của bố mẹ bà gồm: Nhà đất số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; hai quyền sở tiết kiệm: 01 quyền sở tiết kiệm có kỳ hạn số IE 4501195 trị giá 101 triệu đồng gửi tại Ngân hàng Agribank; 01 quyền sở tiết kiệm số HA00027008TGKH/TCB gửi tại Ngân hàng Techcombank trị giá 100 triệu đồng và 03 cây vàng 9999.

Năm 2007 do chỉ có bố mẹ ở với nhau vì quá già hay ốm đau nên bà đã bán căn hộ 36M ô 18 H và bán chiếc xe máy Honda được tổng là 200 triệu đồng giao cho cụ L vào ngày 1-9-2008 để được về ở nhà 13 B. Năm 2010 căn hộ 13 B xuống cấp, bà thay mặt bố mẹ bỏ ra 180 triệu đồng để sửa chữa lại toàn bộ, vì bố mẹ già yếu lương hưu không đủ chi phí sinh hoạt và thuê người giúp việc. Năm 2014 cụ L mất, bà phải thuê người giúp việc 24/24 giờ để trông nom chăm sóc cụ V. Mỗi tháng bà phải chi phí sinh hoạt, thuốc thang cho cụ V hết trên dưới 10 triệu đồng, nay bà không còn khả năng chi trả người giúp việc, bà đề nghị các thành viên trong gia đình bán căn hộ 13 B lấy tiền trang trải chi phí thêm cho cụ V nhưng anh trai là Lê Thanh T2 chưa đồng thuận nên chưa bán được.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án xác định di sản của cụ L để lại và chia di sản của cụ L theo quy định của pháp luật. Buộc cụ L và cụ V phải trả lại bà 380 triệu đồng gồm 200 triệu đồng (bán căn hộ 36 M ô 18 H và bán xe máy Honda) và 180 triệu đồng bà sửa chữa nhà 13 B.

Tại phiên tòa, bà T giữ nguyên yêu cầu và lời trình bày như trên.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01-01-2018 cụ Nguyễn Thị V là bị đơn trình bày: Cụ và cụ Lê Văn L sinh được 4 người con gồm: ông Lê Xuân T là liệt sỹ không có vợ con, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị T và bà Lê Thị T1. Cụ và cụ L có 01 nhà đất tại 13 B ; còn 02 quyền sở tiết kiệm cụ L gửi tại Ngân hàng nông nghiệp và Ngân hàng Techcombank và 03 cây vàng cụ không biết. Cụ xác nhận việc bà T bán nhà và bán xe máy tổng 200 triệu đồng đưa tiền cho cụ L được thể hiện tại 02 giấy điều ghi ngày 01-9-2008. Cụ xác nhận chữ viết tại 2 giấy ghi ngày 01-9-2008 là chữ viết của cụ L. Năm 2014 cụ L chết không để lại di chúc. Nay bà T khởi kiện xác định di sản và chia di sản của cụ L cụ đề nghị giải quyết theo pháp luật, số tiền 380 triệu đồng bà T đòi lại cụ không biết lấy tiền ở đâu để trả.

Tại các bản tự khai của bà Lê Thị T1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bố mẹ bà là cụ Lê Văn L và cụ Nguyễn Thị V sinh được 04 người con gồm: ông Lê Xuân T là Liệt sỹ không có vợ con, ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị T và bà. Bố mẹ bà có tài sản chung là nhà đất tại địa chỉ số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định; 01 quyền sở tiết kiệm có kỳ hạn số IE 4501195 tại Ngân hàng Agribank trị giá 101 triệu đồng; 01 quyền sở tiết kiệm số HA00027008TGKH/TCB gửi tại Ngân hàng Techcombank trị giá 100 triệu đồng và 03 cây vàng 9999. Cụ L mất năm 2014 không để lại di chúc.

Năm 2010 bố mẹ bà mua căn hộ 13 B thì bà T có góp 200 triệu đồng là tiền bà T bán căn hộ 36M ô 18 H và bán xe máy Dream để mua nhà đất nói trên. Năm 2010 nhà đất nói trên xuống cấp, bà T thay mặt bố mẹ bỏ ra 180 triệu đồng để sửa chữa toàn bộ ngôi nhà. Cụ V già yếu không tự đi lại được, ông T2 đã từ lâu không quan tâm đóng góp nuôi dưỡng mẹ, bản thân bà ở xa, bà T phải thuê người phục vụ cụ V 24/24 giờ. Bà T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ L, về kỹ phần của bà được hưởng bà không nhận mà để lại cho cụ V và bà T là người quản lý để lo chi phí cho cụ V lúc tuổi già. Việc bà T yêu cầu bố mẹ trả lại 380 triệu đồng bà nhất trí vì là sự thật, bà đề nghị trừ 380 triệu vào khối tài sản chung của cụ L và cụ V sau đó mới chia thừa kế. Do bà đang sinh sống tại Cộng hòa Séc nên không tham gia tố tụng trực tiếp để giải quyết vụ án được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xin vắng mặt tại phiên tòa. Bà ủy quyền cho bà T thay mặt tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án các cấp.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20-3-2018 ông Lê Thanh T2 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Bố mẹ ông là cụ Lê Văn L và cụ Nguyễn Thị V sinh được 04 người con gồm: ông Lê Xuân T là liệt sỹ không có vợ con, bà Lê Thị T, bà Lê Thị T1 và ông.

Bố mẹ ông có tài sản chung là 01 căn nhà 01 trệt, 02 lầu tọa lạc tại số 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định đứng tên cụ Lê Văn L ; 3,8 cây vàng 24 kara trước khi cụ L mất giao cho bà T quản lý; sổ tiết kiệm số HA00027008TRKH/TCP số tiền 100 triệu đồng; sổ tiết kiệm gửi tại Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn thành phố Nam Định với số tiền là 101 triệu đồng; số tiền bảo hiểm sau khi cụ L mất ông không biết là bao nhiêu. Ba khoản tiền trên giao cho bà T quản lý, ông không biết cụ L chết có để lại di chúc không vì cụ chết bất ngờ.

Nhà đất 13 B do cụ L đứng lên mua năm 1998, ông không biết là bao nhiêu, bà T và bà T1 có giúp đỡ một phần để bố mẹ mua nhà cụ thể bao nhiêu ông không biết. Sau khi cụ L mua căn nhà 13 B, bà T có bán căn nhà 36M ô 18 Hạ Long, thành phố Nam Định để về ở với các cụ, bà T có đưa tiền cho cụ L nhưng đưa bao nhiêu ông không biết, còn việc bà T bán xe máy Dream ông không biết. Sau khi mua căn nhà 13 B thì có sửa chữa là tiền của cụ L, còn sửa chữa hết bao nhiêu ông không biết. Việc bà T khởi kiện chia di sản thừa kế và yêu cầu trả lại 380 triệu ông không có ý kiến gì, đề nghị giải quyết theo pháp luật. Đối với căn nhà 13 B trị giá 800 triệu đồng ông cũng không có ý kiến gì. Do điều kiện ở xa nên ông đề nghị được vắng mặt tại tất cả các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa.

Tại bản tự khai bà Lê Thị B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Ngày 21-7-2016 bà mua ngôi nhà 13 B với giá 800 triệu đồng trên cơ sở thuận mua vừa bán. Ngày 27-7-2016 cơn bão ập đến làm căn nhà hư hỏng nặng. Tháng 9 năm 2016 hai bên tiến hành làm thủ tục mua bán chuyển nhượng nhà đất theo pháp luật, khi đến văn phòng công chứng đường Phan Đình Phùng, thành phố Nam Định thì không làm được thủ tục vì gia đình cụ V còn một người con trai và phải có chữ ký của ông ấy. Lúc này bà mới biết cụ V có con trai, bà cũng ở cùng tổ dân phố với cụ V nhưng không thấy xuất hiện con trai cụ V. Sau này, bà mới biết cụ V cụ L có con trai đã đi khỏi nhà 40 năm nay không quan tâm gì đến bố mẹ và gia đình. Do vậy, việc mua bán nhà phải dừng lại, bà và bà T thống nhất bà vẫn ở nhà 13 B đến khi giải quyết xong được pháp luật công nhận thì sẽ làm thủ tục mua bán giao

tiền. Quá trình ở bà đã sửa chữa lớn, bà chỉ giữ lại khung nhà còn thay đổi thiết kế so với cũ, việc sửa chữa nhà vào cuối tháng 6 năm 2016 âm lịch hết 217.893.000đ.

Tại bản tự khai anh Mai Trường G là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án trình bày: Anh nhận sửa chữa nhà cho bà T ở 13 B , từ tháng 10 năm 2010 với tất cả công trình là làm lại đường điện nước, lắn sơn, làm mái tôn, làm toàn bộ vách ngăn phòng tầng 2 và tầng 3, làm mái hiên di động để che tầng 2. Làm xong hạng mục nào thanh toán hạng mục đó, đến nay anh không nhớ số tiền từng hạng mục nhưng từ khi thi công đến kết thúc bà T đã thanh toán cho anh là 175 triệu đồng, năm 2014 anh lắn sơn lại cho bà T hết 15.000.000đ.

Kiểm sát viên-Viện kiểm sát tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về đường lối chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xác định di sản của cụ L để lại là  $\frac{1}{2}$  nhà đất 13 B ;  $\frac{1}{2}$  trị giá của hai sổ tiết kiệm cụ L gửi tại Ngân hàng và  $\frac{1}{2}$  ba cây vàng 9999. Chấp nhận khoản tiền bà T bán nhà 36M ô 18 H và bán xe máy Honda tổng là 200 triệu đồng đã đưa cho cụ L và khoản tiền bà T đã bỏ ra để sửa chữa nhà là 180 triệu đồng. Khối tài sản của cụ L và cụ V được trừ đi số nợ này. Chia di sản của cụ L để lại những người được hưởng gồm cụ V, bà T1, bà T và ông T2 được chia thành 4 phần bằng nhau. Chấp nhận việc bà T1 nhường kỷ phần chia thừa kế của cụ L mà bà T1 được hưởng cho cụ V nhưng giao cho bà T quản lý để chi phí cho cụ V lúc tuổi già. Án phí dân sự giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà sơ thẩm và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Lê Thanh T2, bà Lê Thị B, anh Mai Trường G, bà Lê Thị T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, riêng bà T1 còn ủy quyền cho bà T tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Căn cứ lời khai của bà T1, bà T, cụ V và căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 21-11-2003 mang tên cụ L và cụ V, có căn cứ xác định nhà đất 13 B, phường T, thành phố N thuộc thửa 16 lô 25 tờ bản đồ số 3 là tài sản chung của cụ L và cụ V .

[3] Đối với 02 sổ tiết kiệm trong đó có 01 sổ tiết kiệm trị giá 100 triệu đồng và 01 sổ tiết kiệm trị giá 101 triệu đồng đứng tên cụ L, quá trình giải quyết vụ án cụ V có lời khai không biết về hai sổ tiết kiệm này, nhưng xét thấy số tiền 201 triệu đồng tại hai sổ tiết kiệm được hình thành trong thời kỳ hôn nhân giữa cụ L và cụ V, nên xác định là tài sản chung.

[4] Theo lời khai của bà T1 và bà T thì cụ L còn để lại 3 cây vàng 9999 do bà T quản lý, ông T2 khai cụ L chết để lại 3,8 cây vàng 24kara, còn cụ V khai do ông L rất kín đáo nên cụ không biết về 3 cây vàng. Căn cứ vào giấy ghi ngày 05-01-2014 thể hiện bà T1 có nhận của cụ L và cụ V 3 cây vàng có xác nhận của cụ L. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định 3 cây vàng là tài sản chung của cụ L và cụ V trong thời kỳ hôn nhân. Ông T2 khai cụ L chết có để lại 3,8 cây vàng 24 kara nhưng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

[5] Theo lời khai của ông T2 sau khi cụ L chết còn khoản tiền bảo hiểm nhưng ông không biết là bao nhiêu và không có tài liệu chứng cứ chứng minh, căn cứ lời khai của bà T1 và bà T, cụ L chết chỉ có khoản tiền từ tất khoản này đã dùng vào việc lo chi phí mai táng cho cụ L và trả công cho người giúp việc cho cụ V. Xét thấy lời khai của bà T và bà T1 phù hợp với thực tế, do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, khối tài sản chung của cụ L và cụ V bao gồm: Nhà đất 13 B, hai sổ tiết kiệm trị giá 201 triệu đồng và 3 cây vàng 9999.

[7] Do việc chuyển nhượng nhà đất 13 B cho bà B trị giá 800 triệu đồng theo giá thị trường tại thời điểm năm 2016, khi các bên làm thủ tục chuyển nhượng sang tên trước bạ thì không được sự đồng thuận của ông T2, nên việc chuyển nhượng đã dừng lại và hiện tại bà B đang ở và đã sửa chữa lớn, làm thay đổi cơ bản căn nhà 13 B. Mặt khác, các đương sự đều nhất trí lấy trị giá nhà đất 13 B là 800 triệu đồng để giải quyết vụ án, nên Hội đồng xét xử chấp nhận; theo giá vàng tại thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 17-7-2018 là 36.790.000đ/1cây nên 3 cây vàng có trị giá là 110.370.000đ. Tổng khối tài sản chung của cụ L và cụ V là 1.111.370.000đ (Một tỷ một trăm mười một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

[8] Cụ L và cụ V sinh được 4 người con nhưng còn sống có 3 người gồm ông T2 ở tỉnh Cà Mau, bà T1 ở Cộng hòa Séc chỉ còn bà T ở gần các cụ. Do cụ L cụ V tuổi cao sức khỏe yếu, bà T đã bán căn nhà 36M ô18 H và xe Honda tổng là 200 triệu đồng. Số tiền này, theo lời khai của bà T1 xác nhận bà T đã đưa cho cụ L 200 triệu đồng, lời khai của ông T2 xác nhận bà T có đưa tiền cho cụ L nhưng không biết là bao nhiêu; cụ V có lời khai xác nhận chữ viết tại 02 giấy ghi ngày 01-9-20018 (bút lục số 39;40) là chữ viết của cụ L có nội dung nhận tiền của bà T do bán căn hộ 36M ô 18 và bán xe máy Honda. Do vậy, có căn cứ chấp nhận lời khai của bà T về khoản tiền này, nay bà T yêu cầu cụ L cụ V trả lại khoản tiền 200 triệu đồng được chấp nhận.

[9] Đối với khoản tiền bà T sửa chữa nhà hết 180 triệu đồng: Căn cứ lời khai của bà T1 xác nhận bà T có sửa chữa nhà hết 180 triệu đồng, bà T khai do bố mẹ già yếu lương hưu không đủ để sửa nhà bà đã đứng lên sửa chữa, do bà đi làm nên cụ L trông nom việc sửa chữa còn bà là người thanh toán tiền hết tổng là 180 triệu đồng. Theo lời trình bày của anh Mai Trường G là người ký hợp đồng sửa chữa nhà với bà T cũng khẳng định việc sửa chữa nhà 13 B do bà T thanh toán. Ông T2 khai có việc sửa chữa nhà 13 B tiền thanh toán là của cụ L nhưng ông T2 không có tài liệu chứng cứ chứng minh và khi bà T yêu cầu cụ L và cụ V trả lại 380 triệu đồng ông T2 không có ý kiến gì. Do vậy, có căn cứ xác định bà T đã sửa chữa nhà 13 B hết 180 triệu đồng, nay bà T yêu cầu cụ L cụ V trả lại khoản tiền này được chấp nhận.

[10] Căn cứ Điều 658 Bộ luật dân sự quy định về thứ tự thanh toán khi chia di sản thừa kế, Hội đồng xét xử sẽ trừ tổng số tiền 380 triệu đồng vào khối tài sản chung của cụ L và cụ V. Do vậy, khối tài sản của cụ L cụ V còn lại là 1.111.370.000đ - 380.000.000đ = 731.370.000đ (bảy trăm ba mươi một triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

[11] Cụ L mất năm 2014 không để lại di chúc, cụ V hiện đang ở cùng bà T, Hội đồng xét xử xác định di sản của cụ L để lại là 1/2 tổng trị giá tài sản 731.370.000đ : 2 = 365.685.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Do cụ L chết không để lại di chúc nên hàng thừa kế thứ nhất bao gồm cụ V, ông T2, bà T1, bà T được hưởng di sản của cụ L. Kỳ phần mỗi đồng thừa kế được hưởng là 365.685.000đ : 4 = 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn

hai trăm năm mươi đồng). Cụ thể cụ V được chia là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), ông T2 được chia là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), bà T được chia là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng), bà T1 được chia là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng). Quá trình giải quyết vụ án bà T1 trình bày chia di sản thừa kế của cụ L kỷ phần của bà được hưởng bà sẽ nhường cho cụ V nhưng giao cho bà T quản lý để chi phí cho cụ V lúc tuổi già, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà T1.

[12] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Do cụ V là người cao tuổi nên căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí có giá ngạch cho cụ V. Bà T và ông T2 mỗi người phải nộp là  $91.421.250đ \times 5\% = 4.571.850đ$ .

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 296 BLTTDS, Điều 611; Điều 613; khoản 1 Điều 623; Điều 650; Điều 651; Điều 658 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T.

Xác định di sản thừa kế của cụ Lê Văn L còn lại có trị giá là 365.685.000đ (ba trăm sáu mươi lăm triệu sáu trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Cụ Nguyễn Thị V được quyền sở hữu, sử dụng nhà đất 13 B, phường T, thành phố N, tỉnh Nam Định thuộc thửa số 16 lô 25 tờ bản đồ số 3 đã được Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y174908 ngày 21-11-2003 và được quyền sở hữu 03 cây vàng 9999 và sở hữu 02 quyền sở tiết kiệm tổng trị giá 201 triệu đồng ( trong đó 01 quyền sở tiết kiệm trị giá 100 triệu (một trăm triệu) đồng gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam-Chi nhánh Nam Định-quỹ tiết kiệm Trần Hưng Đạo; 01 quyền sở tiết kiệm trị giá 101 triệu (một trăm linh một triệu) đồng gửi tại Phòng giao dịch số 6, Chi nhánh thành phố Nam Định Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Cụ V có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Thanh T2 là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng); bà Lê Thị T1 là 91.421.250đ(chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng); bà Lê Thị T là 91.421.250đ(chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị T1 nhường kỷ phần thừa kế được hưởng là 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) cho cụ V và giao cho bà T quản lý 91.421.250đ (chín mươi một triệu bốn trăm hai mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng) để chi phí cho cụ V lúc tuổi già.

Buộc cụ Nguyễn Thị V phải thanh toán cho bà T là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Miễn cho cụ Nguyễn Thị V, bà T phải nộp là 4.571.850đ nhưng được đối trừ với số tiền bà T đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 8.420.000đ theo biên lai số 0001055 ngày 23-10-2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nam Định. Ông T2 phải nộp là 4.571.850đ.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục thi hành án DS tỉnh Nam Định;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Vũ Thị Thu**